TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 293/2025/DS-ST Ngày 30 - 12 - 2025 V/v tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hồ Thanh Phong

Ông Thái Hoàng Bo

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Chí Đệ là Thư ký Toà án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Trương Ngọc Kiển– Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 372/2025/TLST-DS ngày 05 tháng 11 năm 2025 về việc tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 301/2025/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Thái Văn Y, sinh năm 1992; địa chỉ cư trú: ấp CG A, xã TH, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn L, sinh ngày 01/01/1988; địa chỉ cư trú: ấp RD, xã HM, tỉnh Cà Mau là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 22/12/2025) (có mặt).

- *Bị đơn*:

1. Anh Kim Văn P, sinh năm 1972; địa chỉ cư trú: ấp NC, xã QP, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Hoàng Hão – Trợ giúp viên pháp lý – Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Cà Mau (có mặt).

2. Chị Đỗ Thùy L1, sinh năm 1988; địa chỉ cư trú: ấp NC, xã QP, tỉnh Cà Mau (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Ngô Kim Phượng – Trợ giúp viên pháp lý – Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Cà Mau (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Anh Thái Văn Y trình bày: Vào ngày 25/01/2025 âl, vợ chồng anh P, chị L1 có thuê của anh xây dựng căn nhà cấp 4 ngang 4,9m, dài 11m (tính cả bậc tam cấp), phần nền đất 08m, với số tiền 39.000.000đ. Sau đó, phát sinh thêm phần đổ trụ làm sàn bê tông, bờ kè dưới sông 03m nên vợ chồng anh P đồng ý trả thêm số tiền 10.000.000đ. Tiếp theo vợ chồng anh P yêu cầu xây thêm 02 vách tường đầu sông và trả thêm cho anh số tiền 6.000.000đ. Như vậy, tổng số tiền công anh xây dựng cho anh P, chị L1 là 55.000.000đ, anh giảm cho vợ chồng anh P số tiền 2.000.000đ, còn 53.000.000đ. Vào khoảng tháng 6/2025 âl, vợ chồng anh P có trả cho anh được số tiền 43.800.000đ, còn nợ 11.200.000đ. Nay anh yêu cầu anh P và chị L1 trả số tiền 11.200.000đ.

Chị Đỗ Thùy L1 trình bày: Khoảng tháng 01/2025, chị có thỏa thuận với anh Y xây dựng căn nhà ngang 4,9m, dài 10m, với số tiền 750.000đ/m^2. Sau khi khảo sát, phần diện tích 03m giáp mé sông không thể xây dựng theo đơn giá bình thường. Anh Y đề xuất tính trọn gói số tiền 10.000.000đ, chị đồng ý. Phần diện tích còn lại tính tiền theo mét vuông là 4,9m x 07m = 34,3m^2 x 750.000đ = 25.725.000đ. Ngoài ra, trong quá trình thi công chị có yêu cầu làm thêm bậc tam cấp, hai vách tường và được anh Y báo giá là 8.000.000đ. Như vậy, tổng số tiền mà anh Y đã thi công cho chị là 43.725.000đ, tuy nhiên chị đã thanh toán cho anh Y số tiền là 43.800.000đ. Nay chị không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của anh Y.

Đối với anh Kim Văn P đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng anh không có ý kiến về nội dung, yêu cầu khởi kiện của anh Y.

Tại phiên tòa:

Chị L1 giữ nguyên yêu cầu.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Cà Mau phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự nên không có kiến nghị gì và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ Điều 147, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 117, Điều 118, Điều 119 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm,

thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Y. Buộc anh P và chị L1 trả cho anh Y số tiền 11.200.000đ. Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho anh P, chị L1. Anh P và chị L1 phải chịu chi phí tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Anh Thái Văn Y khởi kiện anh Kim Văn P, chị Đỗ Thùy L1 là vụ kiện tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tung: Anh P có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh P.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện, Hội đồng xét xử thấy rằng: Sự việc xây dựng nhà của anh P, chị L1 được hai bên thỏa thuận trên cơ sở tự nguyện, hai bên cùng hợp tác thực hiện về kết cấu xây dựng, cũng như tiền công. Việc thỏa thuận bằng hình thức miệng, không thiết lập bằng văn bản. Sau khi thỏa thuận xong, hai bên tiến hành thực hiện những công việc hai bên đã giao kết và hiện nay căn nhà và các hạng mục khác đã được anh Y thực hiện hoàn thành, đồng thời anh Y đã bàn giao căn nhà cho anh P, chị L1 quản lý sử dụng. Tuy nhiên, hiện hai bên phát sinh tranh chấp về số tiền công xây dựng phần 03m giáp sông.

Theo anh Y xác định: Trước đây có thỏa thuận tiền công để anh Y đỗ 08 cây trụ bê tông, cặm 60 cây trụ đá, đỗ 03 cây đà xuôi, 02 cây đà ngang với số tiền là 10.000.000đ. Còn phần xây dựng mặt trên ngang 4,9m, dài 03m được tính tiền theo thỏa thuận là 750.000đ/01m^2. Tuy nhiên, chị L1 không thống nhất với lời trình bày của anh Y. Chị L1 cho rằng trong số tiền thỏa thuận 10.000.000đ là bao gồm cả tiền công xây dựng phần ngang 4,9m, dài 03m.

[4] Hội đồng xét xử nhận thấy: Việc thỏa thuận giữa hai bên không được lập thành văn bản. Ngoài lời trình bày thì các đương sự không có tài liệu, chứng cứ chứng minh. Xét thấy: Theo biên bản ghi lời khai chị Kim Thị T (chị ruột anh P, thếm dâu chú bác của anh Y), ông Quang Văn V – Phó Ban mặt trận, anh Nguyễn Văn P1 – Người thuê anh Y xây dựng nhà, sau khi anh Y đã xây dựng xong căn nhà cho anh P và chị L1 có nội dung phù hợp với lời trình bày của anh Y, đó là: Tiền công xây dựng phần mặt trên ngang 4,9m, dài 03m được tính theo thỏa thuận ban đầu với giá 750.000đ/01m^2, khoản tiền này không nằm trong số tiền thỏa thuận 10.000.000đ. Do đó, yêu cầu khởi kiện của anh Y là có căn cứ nên được chấp nhận.

[5] Xét về án phí dân sự: Anh P, chị L1h là hộ nghèo nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm, nhưng phải chịu chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật hiện hành.

[6] Xét đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là chưa phù hợp, nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 280 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Thái Văn Y.

1. Buộc anh Kim Văn P và chị Đỗ Thùy L1 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Thái Văn Y số tiền 11.200.000 đồng (mười một triệu hai trăm ngàn đồng).

2. Về án phí dân sự:

2.1. Anh Thái Văn Y không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho anh Y 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0004007 ngày 05 tháng 11 năm 2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Cà Mau.

2.2. Anh Kim Văn P và chị Đỗ Thùy L1 được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về chi phí tố tụng: Anh Kim Văn P và chị Đỗ Thùy L1 phải chịu chi phí xem xét tại chỗ là 500.000 đồng. Buộc anh Kim Văn P và chị Đỗ Thùy L1 phải có nghĩa vụ nộp số tiền 500.000 đồng để hoàn trả cho anh Thái Văn Y.

Kể từ anh Thái Văn Y có đơn yêu cầu thi hành án đối với các khoản tiền nêu trên, nếu anh Kim Văn P, chị Đỗ Thùy L1 chậm thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng anh P, chị L1 còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 6a, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có

mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trương Minh Thịnh